**BÀI TẬP MÔN NGỮ VĂN**

**(Thời gian tự học từ 17/2 đến hết ngày 29/2)**

**KHỐI 8:**

**A. Phần Văn – Tiếng Việt:**

**I. Lý thuyết:**

- Văn bản: Học thuộc lòng các bài thơ: “Nhớ rừng”, “Quê hương”, “Khi con tu hú”, nắm vững nội dung bài thơ và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

- Tiếng Việt: Nắm vững đặc điểm và chức năng chính của câu nghi vấn?

**II. Bài tập vận dụng:**

**Bài 1. Đặt 2 câu nghi vấn dùng để:**

* Yêu cầu một người bạn cho mình mượn quyển sách.
* Bộc lộ tình cẩm, cảm xúc trước số phận của một nhân vật văn học.

**Bài 2. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:**

 “Ta nghe hè dậy bên lòng

 Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!

 Ngột làm sao chết uất thôi

 Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”

1. Đoạn thơ trên được trích trong bài thơ nào? Hãy cho biết bài thơ đó được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh nào? Cho biết thể thơ?
2. Câu thơ thứ hai trong đoạn thơ thuộc kiểu câu gì? Vì sao?
3. Mở đầu bài thơ “Khi con tu hú”, nhà thơ viết “Khi con tu hú gọi bầy”, kết thúc bài thơ là “Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”, theo em việc lặp lại tiếng chim tu hú như vậy có ý nghĩa gì?

**Bài 3. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“… Làm sao để niềm vui của người này không còn là nỗi buồn của người kia. Làm sao để công nghiệp hóa một ngôi làng nhưng lại không ung thư hóa dân làng. Làm sao để tăng lợi nhuận đầu tư nhưng đừng đổ chất thải ám hại môi trường sống. Làm sao để tăng trưởng, giàu có hơn nhưng đừng bức tử nguồn nước cho mai sau. […] Chỉ có thể là thế khi mình biết nghĩ đến người khác. Mình không nói cho hả giận khi người khác nhói lòng. Mình không chỉ lo cho được việc cho riêng mình mặc ai kia khổ sở…

[…] Vô cảm với người khác là thiểu năng cảm xúc. Còn tệ hơn cả thiểu năng cơ thể. Bởi vì thiểu năng cảm xúc nghĩa là dù không phải trời bắt tội, em cũng đã bị tật nguyền ngay trong cơ thể khỏe mạnh, đẹp đẽ của chính mình.”

( *Theo* Đoàn Công Lê Huy, *Yêu xứ sở, thương đồng bào*, Nxb Kim Đồng 2018, tr 83, 85)

1. Xét về mục đích nói, câu “*Làm sao để niềm vui của người này không còn là nỗi buồn của người kia.”* thuộc kiểu câu gì?
2. Chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu văn vừa xét.
3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp ngữ được sử dụng trong đoạn văn.
4. Hãy cho biết thông điệp mà đoạn văn trên muốn gửi đến người đọc là gì?

**B. Phần Tập làm văn:**

**I. Tóm tắt kiến thức trọng tâm:**

**\* Phần văn thuyết minh:**

1. Khái niệm:

Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong đời sống nhằm cung cấp tri thức về: đặc điểm, tính chất, nguyên nhân… của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. 2. Yêu cầu:

 - Tri thức trong văn bản thuyết minh phải khách quan, xác thực, hữu ích cho mọi người.

 - Văn thuyết minh cần trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, hấp dẫn.

3. Sự khác nhau giữa văn miêu tả và văn thuyết minh:

a. Văn miêu tả.

 + Có hư cấu tưởng tượng, không nhất thiết phải trung thành với sự vật, đối tượng….

+ Dùng nhiều so sánh, liên tưởng.

+ Mang nhiều cảm xúc chủ quan của người viết.

+ ít dùng số liệu cụ thể.

VD: “Những đám mây trắng như bông đang tô vẽ cho nền trời bằng những hình thù lạ mắt. Nắng trong vắt như pha lê. Nắng xiên qua cây gỗ

b. Văn thuyết minh.

+Trung thành với đặc điểm của sự vật, đối tượng.

+ Ít dùng so sánh, liên tưởng.

+ Đảm bảo tính khách quan, khoa học.

+ Dùng số liệu cụ thể.

VD: “Hoa chuông cao từ 15- 20 cm. Hoa nhỏ có hình chuông, hương thơm, thân uốn cong, màu trắng hay hồng lợt. Hoa có thể sống trong bình tếch ở vườn hoa phố Nguyễn Cao, rọi xuống và chạy lung tung quanh cái bàn ăn trưa của bốn cụ già…” từ 5- 7 ngày…”

 => Trong văn bản thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả, biện pháp nghệ thuật làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, hấp dẫn.

 4. Phương pháp thuyết minh:

a. Phương pháp nêu định nghĩa:

 VD: Giun đất là động vật có đốt, gồm khoảng 2500 loài, chuyên sống ở vùng đất ẩm.

b. Phương pháp liệt kê:

VD: Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người: thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm…

c. Phương pháp nêu ví dụ:

VD: Người ta cấm hút thuốc ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (ở Bỉ, từ năm 1987, vi phạm lần thứ nhất phạt 40 đô la, tái phạm phạt 500 đô la).

d. Phương pháp dùng số liệu:

VD: Một tượng phật ở Nhạc Sơn, Tứ Xuyên, Trung Quốc, cao 71m, vai rộng 24m, trên mu bàn chân tượng có thể đỗ 20 chiếc xe con”.

e. Phương pháp so sánh:

VD: Biển Thái Bình Dương chiếm một diện tích lớn bằng ba đại dương khác cộng lại và lớn gấp 14 lần diện tích biển Bắc Băng Dương là đại dương bé nhất.

f. Phương pháp phân loại, phân tích:

VD: Muốn thuyết minh về một thành phố, có thể đi từng mặt: vị trí địa lý, khí hậu, dân số, lịch sử, con người, sản vật…

5. Cách làm bài văn thuyết minh:

- Bước 1:

+ Xác định đối tượng thuyết minh.

+ Sưu tầm, ghi chép và lựa chọn các tư liệu cho bài viết.

+ Lựa chọn phương pháp thuyết minh phù hợp.

+ Sử dụng ngôn từ chính xác, dễ hiểu để thuyết minh làm nổi bật các đặc điểm cơ bản của đối tượng.

- Bước 2: Lập dàn ý.

 - Bước 3: Viết bài văn thuyết minh.

**\* Nghị luận xã hội**: Có 2 dạng:

- Nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng, đạo lí, tục ngữ, danh ngôn, lời hay, ý đẹp

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong xã hội.

**=> Dàn bài khái quát:**

**\* Mở bài:**

- Dẫn dắt vấn đề, giá trị khái quát nội dung can nghị luận và trích dẫn đề .

=> Nếu đề bài là mẩu truyện ngắn chưa đưa ra vấn đề để trích dẫn thì phải giải mã đề và nêu vấn đề nghị luận.

**\* Thân bài:**

1.Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng.

2. Biểu hiện.

- Trong gia đình.

- Trong nhà trường.

- Trong xã hội.

3.Vận dụng lí lẽ để kết luận vấn đề.

- Trong cuộc sống vấn đề ấy quan trọng như thế nào, đúng hay sai? Tại sao lại như vậy?

- Khẳng định đó là bài học chân lí từ lâu đời, là truyền thống, kinh nghiệm.

- Nêu dẫn chứng minh hoạ cho vấn đề từ trong thực tế, trong văn học, xã hội, gia đình, nhà trường.

=> Nếu vấn đề nghị luận vừa có yếu tố đúng vừa có yếu tố sai thì cần nêu mặt hạn chế của vấn đề ở điểm nào. Dẫn chứng.

4. Phân tích nguyên nhân của vấn đề.

5. Phê phán hành vi sai trí về vấn đề ấy trong gia đình, nhà trường và xã hội.

6. Ý nghĩa và hành động đúng

- Vấn đề nghị luận là lời khuyên, lời phê phán, cảnh tỉnh.. lời ca ngợi, bài học đạo lí.

- Muốn thực hiện được ta phải làm gì?, đưa ra giải pháp, hành động chung.

7. Mở rộng vấn đề (nếu có).

- Nêu quan niệm ngày nay, vấn đề đó cần bổ sung, xem xét thêm điều gì?

\* **Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Liên hệ bản thân.

**II. Bài tập vận dụng:**

**Đề 1: Thuyết minh về chiếc kính đeo mắt.**

**=> Gợi ý dàn bài tham khảo:**

**1. Mở bài:**

Giới thiệu chung về kính đeo mắt (Là vật dụng cần thiết để bảo vệ mắt, làm đẹp, ... có nhiều loại kính đeo mắt như: Kính thuốc, kính áp tròng, kính thời trang).

**2. Thân bài:** (Có thể giới thiệu theo thứ tự: Nguồn gốc, cấu tạo, công dụng, cách bảo quản, ...)

a. Nguồn gốc:

- Kính đeo mắt ra đời đầu tiên ở Ý vào năm 1260 nhưng lúc đầu chỉ có giới thầy tu và quý tộc sử dụng nó. Người Pháp và người Anh cho rằng kính đeo mắt chỉ nên đeo ở nhà nhưng người Tây Ba Nha tin rằng kính đeo mắt khiến họ trở nên quan trọng hơn, nhờ vậy kính đeo mắt được nhiều người biết đến và dần dần được phổ biến như ngày nay.

- Kể từ khi ra đời tới giờ kính đeo mắt luôn luôn được cải tiến để phù hợp với người dùng. Thiết kế của mắt kính chỉ nối với nhau bởi cầu mũi nên rất bất tiện. Trước đó người Tây Ba Nha đã thử sử dụng dây ruy - băng để buộc mắt kính với hai tai để nó khỏi bị rơi nhưng cái dáng đấy chẳng bao giờ được chấp nhận cả vì trông nó tạm bợ quá. Mãi đến năm 1730 một chuyên gia quang học người Lôn - đôn mới chế ra hai càng để kính có thể gá lên mặt một cách chắc chắn. Ngoài loại kính có gọng đeo người ta còn phát minh ra một loại kính không sử dụng gọng gọi là kính áp tròng.

- Danh họa Leonardo da Vanci đã phác thảo ra chiếc kính áp tròng. Năm 1887 thợ thổi thủy tinh người Đức là Muller đã làm ra chiến kính áp tròng đầu tiên vừa khít với mắt.

b. Cấu tạo (có thể chia làm 3 bộ phận: Tròng kính, khung kính, gọng kính; có thể trình bày theo thứ tự: Hình dáng, màu sắc, chất liệu (ưu điểm, hạn chế của từng loại chất liệu), công dụng của từng bộ phận):

- Kính đeo mắt gồm 2 bộ phận:

+ Mắt kính

+ Gọng kính

- Mỗi loại gọng lại có một ưu điểm riêng:

+ Gọng kim loại được làm bằng một loại sắt, người đeo cảm thấy cứng cáp và chắc.

+ Gọng nhựa dẻo và bền có thể chịu được áp lức lớn mà không bị cong và biến dạng như gọng kim loại.

+ Có một loại gọng được làm bằng ti tan rất nhẹ có thể bẻ cong mà không gãy.

- Dù là nhựa hay kim loại thì tất cả các loại gọng đều có rất nhiều màu sắc và kiểu dáng để tạo vẻ đẹp riêng cho kính.

- Mắt kính chia làm hai loại: Thủy tinh và nhựa

+ Mắt thủy tinh trong suốt nhưng dễ vỡ

+ Mắt nhựa tuy nhẹ nhưng dễ bị xước

- Chọn lựa kính thì phải phụ thuộc vào yêu cầu sử dụng và phụ thuộc vào khả năng tài chính của mình.

c. Công dụng (theo từng loại kính):

- Kính thuốc là kính dùng cho người có bệnh về mắt;

- Kính lão bảo vệ mắt khi đọc sách hay làm việc lâu bên máy tính;

- Kính dâm là kính bảo vệ mắt khi đi ngoài trời;

- Kính thời trang là vật trang điểm, tạo dáng cho mắt và khuôn mặt;

**3. Kết bài:** Nêu vài trò của kính trong cuộc sống hiện nay và trong tương lai.

**Đề 2: Giải thích câu nói của nhà văn  m.Gorki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”.**

**=> Hướng dẫn cách làm bài:**

**A. Yêu cầu**

- Về hình thức : Viết đúng thể loại văn nghị luận với phép lập luận chủ yếu là giải thích (có kết hợp với chứng minh).

- Về nội dung :

+ Sách là nguồn kiến thức.

+ Kiến thức là con đường sống.

**B. Gợi ý:** Khi làm bài văn giải thích, cần vận dụng một số thao tác cần thiết sau đây:

- Giải thích, lí do của vấn đề.

- Giải thích mục đích, lí do của vấn đề.

- Giải thích cách thức thực hiện vấn đề.

 Cụ thể, với các vấn đề này, các em cần:

- Giải thích và giới hạn khái niệm “sách”: Sách giáo khoa, sách phổ biến kiến thức, sách văn học nghệ thuật,… Sách có giá trị chân chính, là kho báu trí tuệ của nhân loại.

- Giải thích vì sao nói “sách là nguồn kiến thức”?

- Giải thích vì sao nói “chỉ có kiến thức mới là con đường sống”?

- Nói rõ được thái độ, hành động cụ thể của việc “yêu sách” phải như thế nào?

**C. Gợi ý dàn bài tham khảo:**

**I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề.**

- Dẫn dắt vấn đề: Sách là một người bạn thân thiết của con người, giúp ta tiếp thu tri thức của nhân loại.

- Trích dẫn câu nói của M.Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nỏ là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”.

**II. Thân bài: Giải quyết vấn đề.**

1. Giải thích: (Đặt câu hỏi: Là gì?)

- Sách là gì? => Sách là sản phẩm của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và là kho tàng quý báu của nhân loại.

- Sách còn là di sản văn hóa của mỗi dân tộc trên đất nước được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sách cũng là công cụ giao tiếp, trau dồi kiến thức, sự hiểu biết lên tầm cao hơn của các thế hệ sau này.

2. Đưa ra các biểu hiện: (Đặt câu hỏi: Tại sao? Vì sao?)

a. Tại sao sách là con đường sống?

- Vì sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người.

- Tất cả mọi thứ từ xa xưa, con người đều ghi lại trên thẻ tre, hòn đá hay nền đất sét. Thời nay, con người đã biết chế tạo ra giấy rồi ghi lại những thông tin mà người cổ xưa để lại và đúc kết thành một cuốn sách.

- Nhiều tác giả tài năng với những cuốn sách tuyệt vời phục vụ cho lợi ích của cộng đồng.

b. Vậy sách có tác dụng gì đối với chúng ta?

- Sách giúp con người hiểu sâu hơn về khoa học tự nhiên thông qua các loại sách khoa học; hiểu sâu hơn về tâm lí, tình cảm qua những cuốn truyện dài, ngắn hoặc tiểu thuyết; hiểu sâu hơn về cơ thể con người qua các loại sách y học;… sách âm nhạc giúp ta biết thêm về cuộc đời nghệ thuật của những người nghệ sĩ nổi tiếng trên toàn thế giới mà mình yêu thích.

- Sách còn cung cấp cho chúng ta nhiều điều mới lạ và thú vị hơn nữa qua nhiều loại sách khác nhau.

- Không những vậy, sách còn là một công cụ để gắn kết nhiều dân tộc trên thế giới, giúp dân tộc này hay công dân nước này hiểu thêm về dân tộc kia hay công dân nước kia về mặt xã hội, kinh tế, du lịch,…

c. Bàn bạc, mở rộng vấn đề.

- Bên cạnh đó, vẫn có những loại sách hay truyện đen, sách có nội dung không hay, thô tục như văn hoá phẩm đồi trụy, gây ảnh hưởng đến nhiều người nếu như quá tò mò về những nội dung ấy gây ra các hậu qua khó lường, tệ nạn xã hội ngày một tăng.

- Không những ham mê đọc sách mà ta còn phải khôn ngoan lựa chọn cho mình những loại sách phù hợp với lứa tuổi để tránh sa vào các tệ nạn xã hội chỉ vì tính tò mò của bản thân.

**III. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.**

- Đọc sách vẫn là cách hiệu quả nhất để nâng cao kiến thức.

- Là món ăn tinh thần bổ dưỡng cho tâm hồn của chúng ta.

**Đề 2: Nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa “học” và “hành”.**

**=> Hướng dẫn cách làm bài:**

**\* Gợi ý dàn bài tham khảo:**

**I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề.**

- Từ xa xưa ông cha ta đã có câu : “Học đi đôi với hành”.

- Khẳng định học và hành có mối quan hệ mật thiết, gắn bó trong học tập và công việc.

**II. Thân bài: Giải quyết vấn đề.**

**1. Giải thích từ ngữ**

– Học là quá trình tiếp thu, tích lũy tri thức. Chúng ta không chỉ học trong sách vở mà còn được học trong cuộc sống. Học từ nhiều nguồn khác nhau: phương tiện truyền thông, đồng nghiệp, mọi người xung quanh. Học văn hóa và học lễ nghĩa. Học là quá trình vô tận, không giới hạn tuổi tác, phạm vi, đối tượng và lượng kiến thức.

– Hành là mang những kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn để đem lại hiệu quả cao nhất. Hay nói cách khác đó là biến lý thuyết sách vở thành những hành động cụ thể nhằm phục vụ mục đích cá nhân, đóng góp cho xã hội.

**2. Mối quan hệ giữa học và hành**

Học và hành có mối quan hệ mật thiết, không tách rời, bổ sung và hoàn thiện nhau:

– Nếu học mà không hành thì con người sẽ bị thụ động, khiên cưỡng, cứng nhắc, thiếu kinh nghiệm và không thể lường trước được những tình huống bất ngờ sẽ phát sinh. Từ đó con người dễ bị ảnh hưởng, dể thất bại khi bắt đầu vào môi trường làm việc tập thể. Học mà không hành còn khiến con người ta trì trệ, chủ quan duy ý chí.

– Nếu hành mà không học thì ta sẽ không có nền tảng, không có kiến thức khoa học, không có lý trí đúng đắn để giải quyết những vấn đề phức tạp, dễ mắc sai lầm không đáng có trong công việc, đôi khi lại trở thành kẻ phá hoại. Hơn nữa cũng rất khó để nâng cao khả năng chuyên môn và phát triển bản thân trong cộng đồng.

=> Học và hành phải luôn đi đôi với nhau mới có thể tạo ra hiêu suất công việc cao nhất.

**3. Tại sao học lại phải đi đôi với thực hành?**

– Bởi lẽ khi ta có trong tay những kiến thức nền tảng, chúng ta mới có thể áp dụng nó một cách hoàn hảo trên thực tiễn, thậm chí phát triển nó.

– Những kiến thức trên sách vở chỉ là những kiến thức mang tính lý thuyết. Nó sẽ chẳng có giá trị gì khi mà nó không được vận dụng.

– Quá trình thực hành sẽ khiến cho những kiến thức được thu nhận trở nên phong phú, sinh động hơn.

– Cuộc sống ngày càngđược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lao động máy móc. Nếu ta không có kiến thức sẽ không thể đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng phức tạp của cuộc sống nhân loại, không thể theo kịp tiến trình phát triển loài người.

**4. Ý nghĩa của mối quan hệ này**

– Học kết hợp với hành sẽ hoàn thiện bản thân, ví dụ như học sinh học các kiến thức về đạo đức trên lớp, về nhà lễ phép vs ông bà, cha mẹ; ra đường lễ phép với mọi người; biết ơn thầy cô thì sẽ trở thành con ngoan, trò giỏi.

– Học kết hợp với hành giúp chúng ta tự tin, tích cực và chủ động trong công việc và trong học tập, trở thành những người có ích cho xã hội.

Ví dụ: Cuộc thi Robocon.

– Quá trình thực hành, vận dụng sẽ giúp người học khắc sâu được những kiến thức, kĩ năng đã trau dồi.

– Học đi đôi với hành thúc đẩy cuộc sống cá nhân, cộng đồng phát triển.

Ví dụ: Sáng chế máy gặt lúa, máy hơi nước.

Người nông dân ứng dụng khoa học kĩ thuật vào canh tác để thu được sản phẩm có chất lượng cao, số lượng lớn. Con người sẽ rút ngắn được thời gian mò mẫm, nghiên cứu, thử nghiệm.

**5. Dẫn chứng**

Học đi đôi với hành là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt từ xưa đến nay.

– Bác Hồ mang những gì đã học trở về nước giúp dân ta giành lại được độc lập dân tộc.

– Ngày nay các cơ sở đào tạo cũng trang bị cấ phòng chức năng, thí nghiệm, cơ sở thực tập để học sinh, sinh viên ứng dụng các kiến thức được trau dồi vào thực tiễn.

**6. Phê phán**

– Vẫn còn nhiều cơ sở giáo dục chưa tiếp cận với phương thức giáo dục mới, vẫn chỉ ưu tiên chú trọng dạy lý thuyết mà ít cho các em được tiếp xúc với thực tiễn khoa học.

– Nhiều gia đinh nhất là nhũng hộ dân cư ở vùng kinh tế, dân trí còn gặp nhiều khó khăn thì lại xem nhẹ việc học tập, giá trị của kiến thức, không khuyến khíc và tạo điều kiện cho con em mình được tiếp nhận nền giáo dục quốc gia.

– Nhiều trường hợp khiên cưỡng, cứng nhắc, lúc nào cũng chú trọng những kiến thức hàn lâm, sách vở, thụ động, ỷ nại vào thầy cô, bạn bè mà không chịu suy nghĩ, tích cực phát biểu quan điểm cá nhân.

**7. Liên hệ bản thân**

– Không ngừng trau dồi tri thức, cập nhật những kiến thức khoa học mới.

– Không được học tủ, học vẹt.

– Chủ động, linh hoạt khi thu nhận kiến thức và áp dụng thực tiễn.

– Mang những kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống một cách tích cực, hiệu quả để từ đó rút ra được những kinh nghiệm, bài học cho bản thân.

– Hăng hái tìm hiểu, xây dựng cho bản thân suy nghĩ và định hướng riêng.

– Quá trình học và hành không chỉ bó hẹp trong phạm vi sách vở, trường học mà phải vươn ra ngoài cuộc sống, cộng đồng xung quanh.

**III. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề**

– Không thể xem nhẹ một trong hai mảng giữa học và hành.

– Đây là quan điểm đúng đắn, cần được vận dụng và phát triển lâu dài , tích cực, có như thế chúng ta mới đem lại một kết quả hoàn hảo nhất.

 **HẾT**